



ANH: BỨC TRƯỜNG

GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ NGUỒN LỰC CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

BÙI THỊ LAN HƯƠNG

TÀI CHÍNH VI MÔ (TCVM) LÀ MỘT CÔNG CỤ MẠNH MẼ ĐỂ CHỐNG LẠI ĐÓI NGHÈO TẠI NHIỀU QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI CŨNG NHƯ Ở VIỆT NAM. NHỜ CÓ CÁC TỔ CHỨC TCVM MÀ NGƯỜI NGHÈO, NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP MỚI CÓ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỚI CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG ĐỂ CẢI THIỆN CUỘC SỐNG. TUY NHIÊN, VỚI ĐẶC ĐIỂM LÀ MỘT QUỐC GIA CÓ TỶ LỆ NGƯỜI NGHÈO VÀ NGƯỜI CÓ THU NHẬP THẤP TƯƠNG ĐỐI CAO, NÊN NHU CẦU VỀ DỊCH VỤ TCVM CHO NGƯỜI NGHÈO LÀ RẤT LỚN. TRÊN THỰC TẾ, CÁC TỔ CHỨC TCVM MỚI CHỈ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC KHOẢNG 40% NHU CẦU CỦA NGƯỜI NGHÈO, CÒN LẠI KHOẢNG 60% VẪN CHƯA TIẾP CẬN ĐƯỢC VỚI DỊCH VỤ NÀY. BÊN CẠNH ĐÓ, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TCVM VẪN CÒN GẶP MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ KHIẾN CHO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TCVM CHƯA ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ CAO.

Khái niệm TCVM

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), TCVM là việc cung cấp các dịch vụ tài chính như tiền gửi, cho vay, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền, và bảo hiểm cho người nghèo vào hộ gia đình có thu nhập thấp hoạt động kinh doanh cá thể và các doanh nghiệp nhỏ của họ.

Theo Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09/3/2005 của Chính phủ, tài chính quy mô nhỏ là “hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản cho các hộ gia đình, cá nhân có thu

nhập thấp, đặc biệt là hộ gia đình nghèo và người nghèo”. Còn theo Nghị định 165/2007/NĐ-CP ngày 14/11/2007 của Chính phủ, TCVM bao gồm các hoạt động tín dụng quy mô nhỏ, nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc; tiền gửi tự nguyện; một số dịch vụ thanh toán cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp.

Như vậy, có thể hiểu TCVM là hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ như: tín dụng quy mô nhỏ, nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tự nguyện, một số dịch vụ thanh toán

cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp, đặc biệt là hộ nghèo và người nghèo.

Theo pháp luật hiện hành, tổ chức TCVM là tổ chức tín dụng, loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, cung cấp các dịch vụ TCVM được quy định tại Điều 1, Nghị định 165/2007/NĐ-CP ngày 14/11/2007 của Chính phủ, gồm: tín dụng quy mô nhỏ, nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tự nguyện; một số dịch vụ thanh toán cho các hộ gia đình, cá nhân thu nhập thấp.

Thực trạng hoạt động của tổ

chức TCVM ở Việt Nam

Từ cuối những năm 1980, hoạt động TCVM đã xuất hiện ở Việt Nam và được triển khai thông qua các chương trình, dự án do các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và chương trình hỗ trợ phát triển chính thức song phương và đa phương tài trợ. Từ quy mô nhỏ lẻ, đến nay, một số chương trình đã phát triển thành các mô hình TCTD, các quỹ cung cấp các dịch vụ TCVM chuyên nghiệp với quy mô lớn. Bên cạnh các chương trình, dự án hoạt động TCVM do các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tài trợ, Việt Nam cũng thúc đẩy hình thành và phát triển của hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân. Cùng với đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) và Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) cũng được thành lập và hoạt động với địa bàn phục vụ chủ yếu trên địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Sau hơn 30 năm hoạt động, TCVM đã được nhìn nhận như một công cụ hữu hiệu trong cuộc chiến đói nghèo tại nước ta. Do đó, xây dựng và phát triển TCVM an toàn, bền vững đến phục vụ người nghèo, người có thu nhập thấp, các doanh nghiệp siêu nhỏ đã được Chính phủ đánh giá là một trong những mục tiêu trọng tâm đến năm 2020.

Hiện nay, các tổ chức TCVM ở nước ta chia thành ba nhóm:

Nhóm 1: Các đơn vị cung cấp TCVM chính thức gồm hoạt động của các TCTD có cung cấp dịch vụ TCVM là các NHTM, NHCSXH, hệ thống QTDND và các tổ chức TCVM chính thức được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp phép hoạt động (tổ chức TCVM TNHH M7, tổ chức TCVM Tình thương (TYM), tổ chức TCVM Thanh Hóa).

Nhóm 2: Các đơn vị cung cấp TCVM bán chính thức. Mặc dù không phải là các TCTD chính thức nhưng khu vực bán chính thức đã rất tích cực tham gia vào thị trường tài chính nông thôn và tập

trung chủ yếu vào cung cấp các khoản tín dụng vi mô cho người nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Khu vực này gồm các chương trình, dự án TCVM do các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thành lập và quản lý. Hiện có khoảng 70 chương trình, dự án đang có hoạt động TCVM tại 23 tỉnh, thành phố.

Nhóm 3: Các đơn vị cung cấp dịch vụ TCVM phi chính thức gồm các hoạt động tự phát, dựa trên thỏa thuận của hai hoặc một nhóm người như quan hệ vay mượn giữa người thân, bạn bè, các nhóm tiết kiệm và cho vay quay vòng, được gọi là chơi họ, hội. Ngoài ra, khu vực TCVM phi chính thức còn có các tiểu thương, chủ cửa hàng cho vay nặng lãi, hoạt động cầm đồ...

Hiện nay, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các đơn vị cung cấp TCVM chính thức đã tương đối đầy đủ. Khu vực TCVM phi chính thức thì chưa được pháp luật thừa nhận.

Ở nước ta, dịch vụ TCVM đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của mình trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và công cuộc xóa đói, giảm nghèo nói riêng. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), nhờ có các tổ chức TCVM mà tỷ lệ nghèo ở Việt Nam đã giảm từ gần 60% vào đầu những năm 1990 xuống 20,7% năm 2010, đến năm 2015, tỷ lệ này đã giảm xuống còn 4,5%, và khoảng 30 triệu người Việt Nam đã thoát nghèo trong 20 năm qua.

Thực tế, đa số người nghèo ở Việt Nam sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp với năng suất lao động thấp và ít được tiếp cận với các dịch vụ tài chính và kiến thức tài chính. TCVM có khả năng cung cấp các loại hình dịch vụ và sản phẩm tài chính cho cộng đồng người nghèo nhằm giúp họ cải thiện đời sống, phát triển kinh tế và đóng góp cho xã hội. Mặc dù vốn vay của TCVM không lớn như NHTM nhưng lại có ý nghĩa vô cùng

quan trọng bởi những khoản vay này đến được với người nghèo, giúp họ khởi tạo sản xuất kinh doanh, tạo dựng tài sản, ổn định chỉ tiêu và bảo vệ họ khỏi nghèo đói mặc dù việc này cần thời gian.

Hiện nay, các tổ chức TCVM ở nước ta cung cấp các dịch vụ tài chính khá cơ bản như: cho vay, tiết kiệm, bảo hiểm... không chỉ giúp người nghèo tạo dựng công việc, sản xuất kinh doanh mà còn góp phần giúp tránh, giảm rủi ro về kinh tế và cuộc sống, từ đó, tăng thu nhập hộ gia đình. Trong khi thu nhập không tự động tăng lên, nguồn vốn vay đáng tin cậy không cần tài sản thế chấp ban đầu là cơ sở nền tảng cho việc lên kế hoạch khởi động sản xuất, mở rộng kinh doanh, cộng thêm tổ chức cung cấp vốn luôn tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng đồng vốn vay hiệu quả, tiết kiệm và không phải bán hay cầm cố tài sản khi gặp rủi ro thất bại. Nhờ tăng thu nhập, người nghèo có tích lũy tài sản, tiết kiệm và khả năng vay vốn, để tái đầu tư mở rộng sản xuất, nhà xưởng, thuê thêm nhân công tạo công ăn việc làm cho lao động tại địa phương; mua đất đai xây dựng hoặc cải tạo nhà ở, vật nuôi. Bên cạnh đó, nhờ tiết kiệm và tài sản được tích lũy, người nghèo thay vì phải chạy ăn từng bữa, sẽ có những kế hoạch dài lâu và định hướng cho tương lai. Hộ gia đình có nhiều điều kiện để cải thiện điều kiện sống, chủ động tìm kiếm và chi trả cho dịch vụ y tế thay vì đến các cơ sở y tế khi tình trạng sức khỏe trở nên tồi tệ. Tăng thu nhập đồng nghĩa với việc hộ gia đình có thể cho nhiều con của họ tiếp cận dịch vụ giáo dục với thời gian dài hơn và đầu tư nhiều hơn vào giáo dục cho con cái. Đặc biệt, khi có được nguồn vốn vay từ tổ chức TCVM tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình cũng đồng nghĩa với việc tăng quyền cho người phụ nữ.

Bên cạnh vai trò quan trọng trong xóa đói, giảm nghèo, TCVM

còn thể hiện rõ tính ưu việt của mình bằng các lợi thế vượt trội như: Mức độ mở rộng tiếp cận theo số lượng khách hàng và quy mô giá trị tăng trưởng ổn định; Độ sâu tiếp cận đến từng hộ gia đình và nhắm tới đối tượng rõ ràng là phụ nữ với tỷ lệ phụ nữ vay vốn so với số khách hàng vay rất cao, hầu hết chiếm 100%; Mức độ rủi ro thấp.

Thực tế, các tổ chức TCVM Việt Nam được đánh giá là đạt được sự bền vững theo quy định với chỉ số tự vững về hoạt động (OSS) trung bình đạt trên 100%. Hoạt động của các tổ chức TCVM đều đảm bảo bù đắp được chi phí và có lãi. Hệ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA) bình quân giai đoạn 2012 - 2014 của hầu hết các tổ chức TCVM đều trên mức tối thiểu 5%. Còn đối với hệ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) của các tổ chức TCVM ở Việt Nam giai đoạn 2012 - 2014 lại sụt giảm từ mức 31,7% năm 2012 xuống 18% trong năm 2014. Nếu so sánh các chỉ số ROE và ROA của các tổ chức TCVM Việt Nam và các nước khác trên thế giới thì các tỷ lệ này bình quân cao hơn so với nhiều nước.

Ngoài ra, với khả năng hoàn trả cao, trên 90%, hoạt động của các tổ chức TCVM Việt Nam được đánh giá là an toàn, tỷ lệ nợ xấu chỉ khoảng 0,4%/tổng dư nợ, hầu hết các tổ chức TCVM có tỷ lệ nợ quá

hạn trên 30 ngày so với tổng dư nợ nhỏ hơn 1% (thấp hơn chuẩn quốc tế 3%). Đơn cử như Tổ chức TCVM Tình thương (TYM) hiện đã hoạt động tại 12 tỉnh, thành phố với 467 xã, gần 120 nghìn thành viên, dư nợ khoảng 897 tỷ đồng, với tỷ lệ hoàn trả đạt tới 99,99%.

Sự phát triển an toàn này là do tác dụng của sức mạnh cộng đồng thông qua cho vay theo tổ nhóm; do việc thiết kế phương thức trả gốc lãi linh hoạt, nhiều lần trong kỳ; cùng với những nỗ lực của cán bộ tín dụng vi mô.

Những tồn tại hạn chế trong phát triển của các tổ chức TCVM

Cùng với những vai trò và đặc điểm nổi trội trong xóa đói, giảm nghèo của TCVM, thực tiễn hoạt động này tại Việt Nam thời gian qua cũng bộc lộ nhiều hạn chế bất cập. Điển hình là hoạt động TCVM Việt Nam còn manh mún, sản phẩm dịch vụ chưa phong phú đa dạng, độ bền vững của các chương trình đều ở mức khiêm tốn. Quy mô và vốn chủ sở hữu của các tổ chức TCVM còn hạn chế, nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ tài trợ, vốn góp của các thành viên. Trừ các tổ chức TCVM được NHNN cấp phép, hầu hết các tổ chức TCVM ở Việt Nam vẫn hoạt động dựa vào các tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý còn nhiều bất cập. Cùng phục vụ cho một

nhóm đối tượng khách hàng, song hoạt động TCVM ở mỗi khu vực đang được điều chỉnh bởi các quy định pháp lý riêng biệt, chưa có sự thống nhất. Điều này tạo ra môi trường không bình đẳng cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực TCVM. Hành lang pháp lý cho hoạt động TCVM còn chưa hoàn thiện, nhiều quy định chậm ban hành, một số chính sách không thuận lợi cho hoạt động TCVM.

Luật các Tổ chức tín dụng 2010 ra đời coi TCVM là một loại hình tổ chức tín dụng, từ đó đến nay chưa có văn bản dưới luật nào hướng dẫn cụ thể cho loại hình tổ chức tín dụng này, nên hoạt động TCVM vẫn tuân theo các Thông tư, Nghị định ban hành trước Luật Tổ chức tín dụng 2010. Đặc biệt, trong công tác hạch toán kế toán, thực tế hiện nay, một số tổ chức TCVM áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, một số tổ chức khác lại áp dụng chế độ kế toán quỹ tín dụng. Sự không thống nhất này là do cho đến thời điểm này vẫn chưa có văn bản hướng dẫn công tác hạch toán kế toán riêng cho hoạt động TCVM.

Bên cạnh đó, một trong những đặc trưng của TCVM Việt Nam khác với các NHTM ở tỷ trọng của nguồn vốn tiền gửi. Đối với các ngân hàng, vốn tiền gửi là bộ phận chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nguồn vốn tiền gửi của các tổ chức TCVM Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ, khoảng 30%, còn lại phần lớn là nợ phải trả. Điều này xuất phát từ thực tiễn: *Một là*, các tổ chức TCVM Việt Nam chủ yếu nhận được các khoản vay, tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức nước ngoài, hoặc các dự án, chương trình phát triển của địa phương và nước ngoài; *Hai là*, về mặt pháp lý, chỉ có các tổ chức chính thức mới được phép huy động tiền gửi tiết kiệm tự nguyện một cách rộng rãi, các tổ chức bán chính thức và phi chính thức thì bị hạn chế trong hoạt động nhận tiền gửi, quy định này cũng hạn chế phần nào vốn tiền gửi của các tổ



ANH: ĐĂNG TUYẾN

Sau hơn 30 năm hoạt động, TCVM đã được nhìn nhận như một công cụ hữu hiệu trong cuộc chiến đói nghèo tại nước ta

chức TCVM. Hạn chế về khung pháp lý trong hoạt động nhận tiền gửi phần nào ảnh hưởng đến khả năng tự vững của các tổ chức TCVM.

Mặt khác, nguồn nhân lực thiếu về số lượng và chất lượng, do hầu hết các tổ chức TCVM Việt Nam đều phát triển từ các chương trình/dự án, do vậy tính chuyên nghiệp về dịch vụ TCVM thường không cao...

Giải pháp nâng cao hiệu quả nguồn lực TCVM

Những tồn tại, hạn chế như đã phân tích khiến cho hiệu quả hoạt động TCVM ở nước ta suy giảm, dẫn tới vai trò của ngành TCVM nói chung và các TCTCVM nói riêng đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng. Vì vậy, để phát huy vai trò của nguồn lực từ các TCTCVM, trong thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Phát triển TCVM là mục tiêu lâu dài của Nhà nước nhằm hướng tới giảm bớt các gánh nặng xã hội, xóa đói giảm nghèo. Chính vì vậy, Chính phủ và một số cơ quan chính sách có liên quan cần xem xét việc thiết lập một hành lang pháp lý vững chắc, tạo điều kiện cho các tổ chức TCVM hướng tới phát triển hiệu quả, bền vững và chuyên nghiệp.

Cần khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật các tổ chức tín dụng về hoạt động TCVM, theo hướng khuyến khích phát triển để góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo, giảm tệ nạn cho vay nặng lãi, phù hợp với hoạt động thực tế trong thời gian qua, tạo điều kiện để phát triển ở các vùng khó khăn, phục vụ người nghèo, cận nghèo. Trong đó, xác định rõ hành lang pháp lý riêng, đồng bộ và phù hợp với đặc trưng hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM. Bên cạnh đó, cần có những chính sách hỗ trợ để khuyến khích sự phát triển bền vững của các tổ chức TCVM như chính sách thuế, chính sách lãi suất. Chính sách lãi suất

nhên linh hoạt, một mặt phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức TCVM; mặt khác phải bù đắp được chi phí hoạt động và tự vững. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cần đẩy mạnh triển khai nghiên cứu cơ chế hỗ trợ vốn cho hoạt động TCVM theo hướng khuyến khích sự tham gia của các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thứ hai, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hình thức cung cấp sản phẩm dịch vụ. Hiện nay các tín dụng vi mô, do đó để đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, các tổ chức TCVM cần tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ tài chính truyền thống, đồng thời đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ mà trọng tâm là các dịch vụ ngân hàng hiện đại có hàm lượng công nghệ cao. Đối với các sản phẩm dịch vụ hiện hữu, TCTCVM cần rà soát lại quy trình nhằm đảm bảo tính thống nhất, linh hoạt một mặt giảm thiểu chi phí giao dịch, mặt khác hạn chế rủi ro.

Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ phải phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Chẳng hạn đối với tín dụng vi mô hiện tại, các tổ chức TCVM có thể xem xét mở rộng thêm các hình thức cho vay như cho vay theo hạn mức, cho vay dựa trên sự bảo lãnh của bên thứ ba, cho vay đầu tư phương tiện, cho vay chi trả học phí...

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực được coi là một trong những điều kiện quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của tổ chức TCVM. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, các tổ chức TCVM cần có chính sách tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại, đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng cán bộ để đáp ứng được yêu cầu của công việc trong điều kiện mới.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền. Các tỉnh,

thành phố tăng cường công tác tuyên truyền về TCVM để tổ chức, cá nhân trên địa bàn hiểu rõ, hiểu đúng về vai trò của hoạt động TCVM đối với công tác xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, tạo điều kiện về thủ tục hành chính cho các chương trình, dự án TCVM triển khai hoạt động trên địa bàn và mở rộng hoạt động ra các xã, huyện mới. UBND các tỉnh, thành phố phân bổ hợp lý các nguồn vốn ODA, vốn khác cho hoạt động TCVM, các chương trình, dự án TCVM trên địa bàn; tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho các tổ chức, chương trình, dự án TCVM trên địa bàn.

Thứ năm, khuyến khích các TCTD và NHTM tham gia sâu hơn nữa vào hoạt động TCVM. So sánh với các tổ chức TCVM hiện nay thì các TCTD chính thức có lợi thế rõ rệt trong một số mặt. Các TCTD chính thức có thương hiệu đã hình thành và được nhận biết, có sẵn hệ thống cơ sở vật chất và kỹ thuật, có khả năng huy động vốn từ nhiều thị trường, bộ phận khác nhau của nền kinh tế. Ở nhiều nước, có một số TCTD đã được Chính phủ giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ tài chính, chủ yếu là tín dụng cho doanh nghiệp vi mô, cho người có thu nhập thấp. Dần dần các TCTD đã nhận thấy, TCVM có thể đem lại lợi nhuận và cơ hội mở rộng thị trường.

Vai trò quan trọng của TCVM đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững đã được minh chứng trong những năm qua. Vì vậy, để TCVM phát triển mạnh mẽ hơn nữa, cần sự quan tâm của Nhà nước, các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể, nhà đầu tư... Hy vọng với những thay đổi tích cực, thiết thực trong thời gian tới của các cơ quan quản lý nhà nước/nhà hoạch định chính sách, chính quyền địa phương, TCVM sẽ có thêm sức mạnh đóng góp vào công cuộc giảm nghèo bền vững của nước ta ■